

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1207/2023/DS-PT
Ngày: 18/12/2023
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Ông Lê Ngọc Tường

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 352/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5145/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 16024/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự địa chỉ: số A đường T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* ông Trần Văn T năm 1953 địa chỉ: số G đường số D B, khu phố C, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn T1, sinh năm 1968; Địa chỉ: số C đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 04/12/2020).

Người kháng cáo: Ông Trần Văn T2 – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/7/2020, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự trình bày:

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự ông Trần Văn T2 có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDVPL-VPLS/2019 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 07). Theo nội dung hợp đồng, Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự nhận thực hiện dịch vụ pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T2, là nguyên đơn trong vụ kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng với bà Trương Thị L. Phí thực hiện dịch vụ pháp lý là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Khi ký hợp đồng, Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự có nhận của ông Trần Văn T2 số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Sau đó, ngày 10/12/2019, có nhận thêm của ông T2 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Sau khi ký Hợp đồng số 07, Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự thực hiện các công việc dịch vụ theo tiến độ và kết quả công việc hoàn thành như đã thỏa thuận, bao gồm: tư vấn đề ông Trần Văn T2 liên hệ Công an phường T khai, ký nộp mẫu đơn đề nghị chứng nhận tạm trú; tư vấn, hướng dẫn ông Trần Văn T2 liên hệ Ủy ban nhân dân Phường E, Quận E thực hiện việc khai, ký nộp đơn xin miễn giảm án phí; tư vấn, soạn thảo hồ sơ khởi kiện; tiếp nhận tư cách đại diện theo ủy quyền của ông T2; xem xét thẩm tra tài sản tranh chấp, tư vấn và soạn thảo đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng; tham gia tố tụng cùng ông T2 tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Tuy nhiên, khi Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự đang thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ như thỏa thuận theo hợp đồng, thì nguyên đơn được biết ông Trần Văn T2 đã có Thông báo về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đối với cá nhân ông Nguyễn Hoài B và ông T2 đã gửi văn bản này cho Tòa án vào ngày 08 tháng 6 năm 2020 (Thông báo ngày 08/6/2020), đồng thời ông T2 xác lập tư cách ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng thay thế tư cách đại diện của người đại diện của Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự Nguyễn Hoài B (Giấy ủy quyền ngày 08/6/2020).

Nhận thấy ông T2 đã có hành vi đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng là trái pháp luật vì ông T2 hoàn toàn không có bất cứ sự thỏa thuận chấm dứt với Văn phòng, ông T2 cũng không thông báo cho Văn phòng biết trước một khoảng thời gian hợp lý theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T2 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn các khoản tiền bao gồm: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền phí dịch vụ chưa thanh toán và 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền phạt vi phạm theo khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng số 07.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không chấp nhận. Bởi vì:

Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07 được soạn thảo dựa trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, bị đơn hoàn toàn hiểu và nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký này. Việc ông T2 cho rằng mình bị lừa dối khi ký kết Hợp đồng là ý kiến trình bày không trung thực và sai sự thật khách quan.

Ông T2 là người chủ động tìm đến văn phòng, giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn không có quan hệ quen biết, thân tín gì trước đó. Khi đến Văn phòng liên hệ công việc, ông T2 hoàn toàn ý thức được mục đích của ông là gì, hoàn toàn biết nội dung pháp lý mà mình cần nhờ luật sư là những nội dung phức tạp và biết rõ số tiền phí dịch vụ luật sư mà mình phải trả là một khoản tiền lớn chứ không nhỏ nên ông T2 cho rằng ông bị lừa giao số tiền này cũng là một luận điểm không có căn cứ.

Khi đến Văn phòng, ông T2 cũng hoàn toàn không có sử dụng máy trợ thính và luôn trong trạng thái nghe hiểu bình thường. Văn phòng không biết được việc ông T2 không biết đọc hay viết tiếng Việt. Kể cả sau khi ký hợp đồng, ông T2 là người trực tiếp liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để tự mình thực hiện hành vi pháp lý và các cơ quan có thẩm quyền cũng hoàn toàn không biết ông T2 là người bị điếc hay không biết đọc, viết tiếng Việt vì nhận thấy ông là người có năng lực hành vi bình thường. Như vậy, nếu sự thật là ông T2 bị điếc hay không biết đọc tiếng Việt thì là do ông T2 chủ động che giấu việc này với Văn phòng và với tất cả các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình ông tiếp xúc làm việc trực tiếp.

Khoản phí dịch vụ mà Văn phòng nhận là do ông T2 tự nguyện thực hiện việc giao theo thỏa thuận tại hợp đồng và Văn phòng cũng đã nhận khoản phí trong phạm vi phí dịch vụ đã thỏa thuận, chứ hoàn toàn không có nhận thêm khoản phí nào vượt quá khoản phí thỏa thuận nên việc ông T2 cho rằng Văn phòng không trung thực, lừa dối, sách nhiễu ông để lấy tiền là một lý do không có cơ sở.

Tại các bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn T2 do ông Lê Văn T1 là người đại diện trình bày:

Bị đơn xác nhận ngày 25/9/2019, giữa bị đơn và nguyên đơn có ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDVPL-VPLS/2019; phí dịch vụ là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi ký hợp đồng, bị đơn có giao cho ông Nguyễn Hoài B là Trưởng Văn phòng số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và toàn bộ giấy tờ nhà đất liên quan đến tài sản chung của vợ chồng mà ông T2 yêu cầu chia khi ly hôn. Sau đó, ngày 10/12/2019, Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự có nhận thêm của ông T2 số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 3 của Hợp đồng. Cụ thể:

- Biết ông T2 là người Hoa không đọc được, viết được tiếng Việt và bị lãng tai nặng nhưng khi đưa Hợp đồng cho ông T2 ký, ông B không đọc cho ông T2

nghe, biết, hiểu nội dung của Hợp đồng hay có người làm chứng.

- Khi nhận 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và toàn bộ giấy tờ nhà đất từ ông T2, nguyên đơn đã không viết biên nhận tiền và nhận giấy tờ. Làm mất giấy tờ liên quan đến tài sản mà ông T2 đã đưa.

- Tự ý không đưa vào đơn khởi kiện nhiều tài sản chung mà ông T2 yêu cầu chia khi ly hôn mà không thông báo cho ông T2 biết.

- Không thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho ông T2.

- Có hành vi gian dối để lấy tiền của ông T2 không đúng với thỏa thuận của hai bên.

Nguyên đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 3 (3.5) của Hợp đồng, đây cũng là điều khoản các bên làm căn cứ để hủy bỏ hay chấm dứt hợp đồng khi một bên vi phạm.

Vì ông Nguyễn Hoài B vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện Hợp đồng đã làm cho ông T2 không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng là bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho ông nên ông T2 đã thông báo bằng văn bản cho ông B biết về việc hủy bỏ hợp đồng mà hai bên đã ký. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDVPL – VPLS/2019 ngày 25/9/2019 giữa Văn Phòng Luật sư Bảo N và cộng sự do ông Nguyễn Hoài B, trưởng văn phòng làm đại diện với ông Trần Văn T2 vô hiệu. Do vi phạm điều kiện để giao dịch dân sự có hiệu lực, vì :

Hợp đồng số 07 là một giao dịch dân sự. Ông T2 không viết và đọc được tiếng Việt, khi ký hợp đồng không ai đọc lại cho ông nghe nên không thể hiểu được nội dung hợp đồng do ông Nguyễn Hoài B soạn sẵn. Nội dung trong hợp đồng hoàn toàn là ý chí của ông B, vì tin tưởng nên ông T2 ký chứ không phải do hiểu rõ nội dung của hợp đồng mà tự nguyện ký. Điều này vi phạm điểm b khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

Với tư cách là Luật sư ông B còn vi phạm nghiêm trọng Khoản d Điều 9 Luật Luật sư, sửa đổi bổ sung năm 2012 qui định về các hành vi nghiêm cấm Luật sư không được làm, cụ thể là cấm sách nhiễu, lừa dối khách hàng (ông B lừa dối khách hàng để nhận tiền 50.000.000 đồng không đúng với thỏa thuận).

Bị đơn yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý khi hợp đồng vô hiệu: buộc nguyên đơn hoàn trả lại cho bị đơn số tiền đã nhận là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 352/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự

Buộc ông Trần Văn T2 phải trả cho ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự tiền phạt vi phạm hợp đồng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự về việc yêu cầu ông Trần Văn T2 phải trả số tiền phí dịch vụ chưa thanh toán là 100.000.0000 đồng (một trăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn T2 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDVPL-VPLS/2019 ngày 25/9/2019 vô hiệu và giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn – ông Trần Văn T2 do ông Lê Văn T1 đại diện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện bị đơn là người kháng cáo – ông Lê Văn T1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm với các lý do sau: Khi ký kết hợp đồng, bị đơn là người H không biết đọc, viết tiếng Việt. Bị đơn bị điếc tai, nghe không rõ, có hạn chế về năng lực hành vi dân sự nhưng nguyên đơn không đọc và giải thích pháp luật, không có người làm chứng khi ký hợp đồng. Phía nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo thỏa thuận, có dấu hiệu lừa dối khi nhận tiền của bị đơn. Khi hủy hợp đồng dịch vụ pháp lý, bị đơn đã thông báo và thực hiện thủ tục theo quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm nhận định có nhiều mâu thuẫn, không đảm bảo đầy đủ quyền và nghĩa vụ hợp pháp của bị đơn.

Nguyên đơn – Ông Nguyễn Hoài B trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự được đảm bảo các quyền lợi và được thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 352/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc xác định tư cách của nguyên đơn: Cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự là nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Luật sư và khoản 3 Điều 190 Luật Doanh nghiệp.

[1.2] Sau khi Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử và tuyên án, ngày 15/8/2023, ông Lê Văn T1 đại diện bị đơn thay mặt bị đơn làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đơn kháng cáo của đại diện bị đơn nằm trong phạm vi ủy quyền theo Giấy ủy quyền số công chứng 008441, quyền số 12.TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/12/2020, trong thời hạn luật định, nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật; do đó, kháng cáo hợp lệ.

[1.3] Đối với yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn và đại diện bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, việc chứng minh và thu thập chứng cứ không đúng quy định pháp luật hoặc chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; do đó, không có cơ sở hủy bản án sơ thẩm theo yêu cầu của bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDVPL-VPLS/2019 ngày 25/9/2019 giữa ông Trần Văn T2 và Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự

Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, sự thừa nhận của các đương sự, thấy rằng: Bị đơn là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; chưa bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, hạn chế năng lực hành vi dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận nguyên đơn không có hành vi đe dọa, cưỡng ép bị đơn trong việc giao kết Hợp đồng số 07.

Xét, Hợp đồng số 07 được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên tham gia đều có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật dân sự, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định và quyết định không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tuyên bố Hợp đồng số 07 vô hiệu là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) phí dịch vụ còn lại. Xét, hợp đồng ký kết giữa các bên là hợp đồng dịch vụ pháp lý. Các bên có thỏa thuận về việc trả tiền dịch vụ theo tiến độ công việc. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đã chấm dứt việc thực hiện hợp đồng từ ngày bị đơn đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng, nguyên đơn không còn cung cấp dịch vụ cho bị

đơn. Trong Hợp đồng số 07 không có điều khoản thỏa thuận về việc khi hợp đồng chấm dứt thì bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền phí dịch vụ còn lại đối với phần việc nguyên đơn chưa thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) phí dịch vụ còn lại là có cơ sở.

Ngược lại, đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn hoàn trả toàn bộ số tiền phí dịch vụ đã thanh toán là 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, như đã nhận định các bên có thỏa thuận về việc trả tiền dịch vụ theo tiến độ công việc, sau khi ký hợp đồng bị đơn đã giao cho nguyên đơn 100.000.000 đồng, sau đó nguyên đơn đã thực hiện tư vấn, soạn thảo các văn bản và tham gia tố tụng cùng bị đơn giải quyết vụ kiện, điều này đã được nguyên đơn cung cấp các chứng cứ chứng minh thể hiện trong hồ sơ vụ án, các công việc nguyên đơn thực hiện tương xứng với phí dịch vụ mà bị đơn đã giao.

Theo khoản 2.2 Điều 2 Hợp đồng các bên thỏa thuận tiến độ thanh toán phí dịch vụ như sau:

“... - Lần 2: Bên A thanh toán phí dịch vụ là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) ngay khi Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định về việc mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải”

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đương sự thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng được giao nhận sau buổi tiếp xúc lần đầu tiên tại Tòa án, sau đó hai bên chấm dứt hợp đồng, xét theo thỏa thuận thì số tiền phí dịch vụ trên đã giao nhận trước khi có quyết định về việc mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn nhận tiền nhưng chưa thực hiện công việc theo thỏa thuận của hai bên; do đó, để đảm bảo quyền lợi của bị đơn cần chấp nhận một phần yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn hoàn trả cho bị đơn 50.000.000 đồng tiền phí dịch vụ đã nhận.

[2.3] Về yêu cầu bị đơn phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 100.000.000 đồng:

Điều 3 (3.3) Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07 các bên có thỏa thuận: *“Trong trường hợp bên A không thanh toán phí dịch vụ đúng hạn; hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng này trái pháp luật thì bên A sẽ chịu phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt vi phạm là số tiền gấp 2 (hai lần) số tiền phí dịch vụ nêu tại Điều 2 của hợp đồng”*.

Xét thấy, cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và diễn biến vụ án nhận định bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng không đúng quy định pháp luật, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu phạt vi phạm là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 3 (3.3) của hợp đồng.

Xét số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu phạt vi phạm là 100.000.000 đồng, số tiền này thấp hơn so với thỏa thuận của các bên về mức phạt vi phạm hợp đồng tại Điều 3 (3.3) của hợp đồng, có lợi cho bị đơn. Do đó,

Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm quyết định bị đơn phải chịu phạt vi phạm hợp đồng với số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở nên cần giữ nguyên.

Từ những lập luận trên, xét kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị đơn không có cơ sở, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 352/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

Ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 100.000.000 đồng không được chấp nhận và số tiền 50.000.000 đồng phải hoàn trả cho bị đơn.

Ông Trần Văn T2 thuộc trường hợp được miễn án phí (người cao tuổi) theo quy định tại Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Trần Văn T2, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 352/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự

Buộc ông Trần Văn T2 phải trả cho ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự tiền phạt vi phạm hợp đồng là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn - ông Trần Văn T2.

Buộc ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự phải hoàn trả cho ông Trần Văn T2 số tiền phí luật sư là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự về việc yêu cầu ông Trần Văn T2 phải trả số tiền phí dịch vụ chưa thanh toán là 100.000.0000 đồng (một trăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn T2 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng dịch vụ pháp lý số 07/HĐDVPL-VPLS/2019 ngày 25/9/2019 vô hiệu.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0062007 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Hoài B – Trưởng Văn phòng Luật sư Bảo N và cộng sự phải nộp thêm số tiền chênh lệch là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

4.2. Ông Trần Văn T2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP . HCM;
- Cục THA DS TP . HCM;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- TAND quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hương